TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 305/2023/DS-ST
Ngày: 22-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Tuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Kim Nhàn;

2. Ông Đặng Quang Nhã.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*:** Bà Nguyễn Kim Oanh – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Trong các ngày 24 tháng 7 và ngày 22 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4986/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 5590/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T;

Địa chỉ: Số 266-268 đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Số 11/5/15 khu phố Y, phường Đ, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh – Giấy ủy quyền số: 994/2022/UQ-TGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Vi Thuý H, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Số 217 P, phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 12 năm 2022, quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T trình bày:*

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T và bị đơn bà Vi Thuý H ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, thông qua Giấy đề nghị cấp thẻ tín

dụng kiêm hợp đồng số: 3287986, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của bị đơn, nguyên đơn đã cấp thẻ tín dụng Visa Platinum số: 436438-7591, hạn mức tín dụng bị đơn mong muốn được cấp là 100.000.000 đồng, nhưng ngày 28 tháng 01 năm 2021 nguyên đơn phê duyệt hạn mức sử dụng là 70.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 121.198.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán được 55.727.957 đồng rồi không thanh toán nữa, nguyên đơn nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu nhưng bị đơn vẫn không thanh toán. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn. Ngày 26 tháng 10 năm 2021, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 22 tháng 8 năm 2023, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 135.715.110 đồng, (bao gồm: Nợ gốc là 75.360.972 đồng, lãi quá hạn là 60.354.138 đồng).

Để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả ngay số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 22 tháng 8 năm 2023 là 135.715.110 đồng, (bao gồm: Nợ gốc là 75.360.972 đồng, lãi quá hạn là 60.354.138 đồng) và bị đơn tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 23 tháng 8 năm 2023 cho đến khi trả hết các khoản nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên không tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bị đơn đã ký với nguyên đơn Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 3287986 ngày 27 tháng 01 năm 2021, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, nguyên đơn đã cấp hạn mức tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi

phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Xét, đơn khởi kiện của Ngân hàng có căn cứ để xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng. Xét, bị đơn có địa chỉ tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Xét, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định.

[1.3] Xét, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin được xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định.

[2]. Về pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét, lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định ngày 27 tháng 01 năm 2021 bị đơn đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, kèm điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn (đơn vị phát hành thẻ) là có thật nên quyền và nghĩa vụ của các bên đã phát sinh. Theo đấy, nguyên đơn đã cấp cho bị đơn thẻ tín dụng Visa Platinum số: 436438-7591, hạn mức sử dụng là 70.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân. Ngoài ra, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng còn có các nội dung về quyền, nghĩa vụ của các bên. Quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn nên nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ từ ngày 26 tháng 10 năm 2021, tạm tính đến ngày 22 tháng 8 năm 2023 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 135.715.110 đồng, (bao gồm: Nợ gốc là 75.360.972 đồng, lãi quá hạn là 60.354.138 đồng).

[2.2] Xét, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27 tháng 01 năm 2021, kèm điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của nguyên

đơn, đơn vị phát hành thẻ là hợp đồng sử dụng thẻ giữa chủ thẻ bị đơn và tổ chức phát hành thẻ nguyên đơn. Hợp đồng này có mục đích, hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và quy định về hoạt động ngân hàng của Ngân hàng thương mại, về lãi suất trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, về chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ được quy định tại Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số: 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ ngân hàng có hiệu lực. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được thỏa thuận tại Điều 2 của điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nên có nghĩa vụ trả các khoản phí, nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 17 Thông tư số: 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 nên yêu cầu buộc bị đơn trả tiền nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét, về lãi tính đến ngày xét xử, nguyên đơn tính lãi trên tiền nợ vay theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Điều 23 của điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn là 150% của lãi suất được công bố tại thời điểm xét xử nên việc áp dụng lãi đối với dư nợ thẻ từ ngày 26 tháng 10 năm 2021 đến ngày xét xử, theo các văn bản thông báo điều chỉnh lãi suất thẻ tín dụng đã được nguyên đơn phát hành là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, tiền lãi tính đến ngày xét xử mà bị đơn phải trả theo yêu cầu của nguyên đơn là 60.354.138 đồng là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.4] Xét, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 là có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Xét, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân Quận 1 đã nhiều lần triệu tập bị đơn để lấy lời khai về những vấn đề liên quan đến vụ án nhưng bị đơn vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cũng như kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến Tòa án và cũng không có văn bản trả lời cho Tòa án biết. Do đó, việc bị đơn vắng mặt không đến tòa là tự từ bỏ quyền được chứng minh nên phải tự gánh chịu hậu quả bất lợi theo quy định của pháp luật. Xét, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án chỉ giải quyết vụ án theo những chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng tín dụng là phù hợp quy định nên có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hợp đồng tín dụng do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95; điểm d khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T buộc bà Vi Thuý H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 3287986 ngày 27 tháng 01 năm 2021, tạm tính đến ngày 22 tháng 8 năm 2023 là 135.715.110đ (một trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, một trăm mười đồng), [(bao gồm: Nợ gốc là 75.360.972đ (bảy mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, chín trăm bảy mươi hai đồng), lãi quá hạn là 60.354.138đ (sáu mươi triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn, một trăm ba mươi tám đồng)].

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Vi Thuý H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T thì lãi suất mà bà Vi Thuý H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

2. Về án phí: Bà Vi Thuý H phải chịu 6.785.756đ (sáu triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại Cổ phần T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng

Thương mại Cổ phần T số tiền 2.793.759đ (hai triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi chín đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2022/0018389 ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T, bà Vi Thuý H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Q1;
- Chi cục THADS Q1;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Tuân